

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương;

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bạch Anh T
- Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/4/2024, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 29/5/2020. Tuy nhiên quá trình chung sống anh Hoàng Văn T không tu chí làm ăn, dính vào tệ nạn xã hội, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T không từ bỏ tệ nạn xã hội, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, do anh Hoàng Văn T không thay đổi nên đến cuối năm 2021 chị đã đưa con về sống tại N, xã T cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T để ổn định cuộc sống, chị đề nghị không hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020. Hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu, không yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện nay làm tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương lẫn nhau và sống ly thân. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị D chưa yêu cầu nên anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị D do chị Hoàng Thị D là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Hoàng Văn T, nhưng anh Hoàng Văn T không cung cấp bản khai cho Tòa án và cũng không hợp tác đến Tòa án để lấy lời khai nên Tòa án không có bản khai và cũng không thể lấy lời khai của anh Hoàng Văn T được.

Tại biên bản làm việc ngày 23/5/2024 với bà Nông Thị Khởi: Bà không có mâu thuẫn gì với chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T, bà là mẹ đẻ của chị Hoàng Thị D. Về quan hệ hôn nhân: Bà chỉ biết quá trình chung sống anh Hoàng Văn T không tu chí làm ăn, dính vào tệ nạn xã hội, gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh Hoàng Văn T không từ bỏ tệ nạn xã hội. Đến cuối năm 2021 chị Hoàng Thị D đưa cháu Hoàng Minh T về sống tại N, xã T cùng vợ chồng bà cho đến nay.

Không thấy anh Hoàng Văn T đến thăm nom, quan tâm hay đưa đón gì chị Hoàng Thị D. Chị Hoàng Thị D cũng không về lần nào do anh Hoàng Văn T không thay đổi. Bà mong muốn Tòa án giải quyết cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T vì anh Hoàng Văn T không tu trí làm ăn, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng. Cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020 đã sống cùng chị Hoàng Thị D và vợ chồng bà từ tháng 11/2021 cho đến nay. Cháu vẫn được chị Hoàng Thị D chăm sóc đầy đủ và đảm bảo, chỗ ở ổn định, cháu học lớp 3 tuổi trường mầm non xã T, đi học đầy đủ. Những lúc chị Hoàng Thị D bận thì vợ chồng bà hỗ trợ chăm sóc, đưa đón cháu. Không thấy anh Tư hỏi thăm hay chu cấp gì. Chị Hoàng Thị D hiện nay làm tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Do anh Hoàng Văn T không tu trí làm ăn nên đề nghị giao cháu Hoàng Minh T cho chị Hoàng Thị D nuôi dưỡng trực tiếp.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2024 với bà Phương Thị H trưởng thôn Đ cho biết: Anh Hoàng Văn T và mẹ đẻ anh Hoàng Văn T khác sống, chị Hoàng Thị D và cháu Hoàng Minh T đã về xã T sống từ tháng 11/2021 đến nay, không thấy về Tỉnh Bắc lần nào do anh Hoàng Văn T dính tệ nạn xã hội không tu trí làm ăn, chị Hoàng Thị D cho nhiều cơ hội nhưng không sửa được. Bà H không nắm được thu nhập của anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị D thế nào.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Hoàng Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Anh Hoàng Văn T không cung cấp bản khai nhưng qua bà Nông Thị Khởi thì vợ chồng tình cảm đã lạnh nhạt.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020 và chị Hoàng Thị D sống tại nhà mẹ đẻ của chị Hoàng Thị D từ tháng 11/2021 cho đến nay. Chị Hoàng Thị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh T, không yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Văn T đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không có ý kiến gì. Cháu Hoàng Minh T sống cùng chị Hoàng Thị D có chỗ ở ổn định, vẫn được chị Hoàng Thị D chăm sóc đầy đủ và đảm bảo, do vậy yêu cầu của chị Hoàng Thị D được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là có căn cứ. Do vậy đề nghị giao con chung cho là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị D chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Hoàng Thị D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Hoàng Thị D đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Văn T, cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 đăng ký ngày 29/5/2020, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Hoàng Văn T không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020. Cháu Hoàng Minh T sống cùng chị Hoàng Thị D tại nhà bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị D. Chị Hoàng Thị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh T, không yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Hoàng Văn T đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không có ý kiến gì. Chị Hoàng Thị D và cháu Hoàng Minh T hiện nay đang sống cùng bố mẹ đẻ chị Hoàng Thị D, được chị Hoàng Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo đầy đủ và phát triển toàn diện, chị Hoàng Thị D còn được bố mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc cháu Hoàng Minh T, do vậy yêu cầu của chị Hoàng Thị D được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là có căn cứ và cũng đảm bảo điều kiện con chung được chăm sóc toàn diện và đảm bảo hơn. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung cho là cháu Hoàng Minh T cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị D chưa yêu cầu. Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hoàng Văn T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 09 đăng ký ngày 29/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị D chưa yêu cầu.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai